TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2021.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Thanh Nguyên.
- Ông Bùi Ánh Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T), Sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT: Thôn x, xã H, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: Chị Lự Thị S, sinh năm 1978. ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh L.

Người làm chứng: Ông Hoàng Văn T. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lự Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi làm không lo đủ tiền để chi tiêu cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Ngày 25/7/2015 chị S đã xúc phạm và đuổi anh ra khỏi nhà. Vì vậy, anh đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn x, xã H, huyện V, tỉnh L sinh sống cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và thôn bản hòa

giải nhưng không hàn gắn hạnh phúc được, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lự Thị S.

Về con chung: Anh và chị Lự Thị S có 04 người con chung gồm: Cháu Triệu Quốc T, sinh ngày 20/11/1996; cháu Triệu Thị T và Triệu Thị T1 cùng sinh ngày 02/5/1998; cháu Triệu Thị Tuyết N, sinh ngày 15/5/2009. Đối với 03 cháu lớn đã trên 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên anh không đề nghị tòa án giải quyết. Đối với cháu Triệu Thị Tuyết N hiện đang sống cùng với anh, anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Lự Thị S không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N.

Về tài sản: Anh và chị S tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Về vay nợ: Anh và chị S không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn Chị Lự Thị S:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 25/TB-TLVA ngày 09 tháng 3 năm 2021 cho bị đơn chị Lự Thị S, hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý, bị đơn không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố.

Đến ngày 02/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành giao thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ số 25 ngày 02/4/2021 nhưng chị Lự Thị S tiếp tục từ chối nhận văn bản tố tụng, vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc người được tống đạt từ chối nhận văn bản tố tụng theo khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cùng ngày, Tòa án tiến hành ghi lời khai của chị S nhưng chị S từ chối khai báo. Do vậy, không có lời khai của chị Lự Thị S trong hồ sơ vụ án.

Ủy ban nhân dân xã H và trưởng thôn T, xã H xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của anh La Văn T là đúng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng phía bị đơn chị Lự Thị S vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định. Ngày 04/6/2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn anh La Văn T, anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn anh La Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Lự Thị S vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh La Văn T được ly hôn với chị Lự Thị S.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Triệu Thị Tuyết N, sinh ngày 15/5/2009 cho anh La Văn T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Lự Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Anh La Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo anh La Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với chị Lự Thị S, sinh năm 1978, Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Lự Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh La Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn anh La Văn T, những người làm chứng, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H có đủ căn cứ xác định:

Anh La Văn T và chị Lự Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L, hôn nhân là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về làm kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Ngày 25/7/2015, vợ chồng anh chị cãi, chửi nhau và anh đã

chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn x, xã H, huyện V, tỉnh L sinh sống cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và thôn bản hòa giải nhưng không hàn gắn hạnh phúc được.

Đối với chị Lự Thị S: Quá trình giải quyết vụ án, chị S từ chối nhận văn bản tố tụng của tòa án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T; từ chối ghi lời khai, từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn anh La Văn T, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh T, chị S không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh La Văn T về việc ly hôn chị Lự Thị S.

[3] Về nuôi con: Anh La Văn T và chị Lự Thị S có 01 con chung dưới 18 tuổi là cháu Triệu Thị Tuyết N, sinh ngày 15/5/2009, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Xét thấy, anh T có mức thu nhập từ 6.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng, anh có nhà ở. Bản thân cháu N có nguyện vọng được sống với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Triệu Thị Tuyết N cho anh La Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và chị S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh La Văn T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T):

- Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T) được ly hôn với chị Lự Thị S.

- Về nuôi con: Anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị Tuyết N, sinh ngày 15/5/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lự Thị S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Thị Tuyết N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Anh La Văn T (tên gọi khác: Triệu Quốc T) phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0001758 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh La Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lự Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã H(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái